

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VẠN NINH
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/DS-ST
Ngày: 04/01/2022
V/v “*Tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Nhật Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Tám;

Ông Thạch Nguyễn Mai Thiện Bảo;

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tiến Huỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 72/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2021; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 03/TB-TA ngày 20 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phùng Thị Thanh H - sinh năm 1990; HKTT: Tổ 19 T1, phường H, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Địa chỉ liên hệ: Số 3M, Tầng trệt Chung cư C, khu đô thị H, phường H, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đoàn Công Nữ H – sinh năm: 1990; Địa chỉ liên hệ: Căn hộ số 3M, Tầng trệt Chung cư C, khu đô thị H, phường H, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa – là người đại diện theo ủy quyền (theo giấy ủy quyền lập ngày 25/6/2021). (*Có mặt*).

- Bị đơn: Ông Võ Quốc T – sinh năm 1984; Trú tại: Thôn T, xã P, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. (*Có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 6 năm 2021 (nộp Tòa án cùng ngày); bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 09 tháng 07 năm 2021, ngày 23/11/2021; Biên bản hòa giải ngày 23 tháng 11 năm 2021 và tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Đoàn Công Nữ H trình bày:

Ngày 05/06/2019, bà Phùng Thị Thanh H có cho ông Võ Quốc T vay tiền thông qua Hợp đồng vay tiền số công chứng 9956, quyền số 6/TP/CC-SCC/HĐGD được lập tại Văn phòng Công chứng H – 21B đường N, phường T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa với nội dung cụ thể như sau:

+ Số tiền vay: 221.565.000đ (hai trăm hai mươi một triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng)

+ Thời hạn vay: 02 năm kể từ ngày 05/06/2019.

+ Lãi suất: Do hai bên tự thỏa thuận.

- Đến thời hạn trả nợ vay, bà H đã liên hệ nhiều lần nhưng ông T vẫn không hoàn trả cho bà H số tiền vay của Hợp đồng vay tiền nêu trên.

- Tính đến ngày 04/01/2022, ông T còn nợ bà H số tiền là:

+ Tiền nợ gốc: 221.565.000đ (hai trăm hai mươi một triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) (1);

+ Lãi trong hạn (10%/năm) trên nợ gốc: $221.565.000đ \times (10\%/năm) \times 02 \text{ năm} = 44.313.000đ$ (bốn mươi bốn triệu ba trăm mười ba nghìn đồng) (2);

2. Phần tiền lãi chậm trả phát sinh theo như yêu cầu trong đơn khởi kiện từ ngày 05/06/2021 tính đến ngày 04/01/2022 là:

Lãi chậm trả trên nợ gốc (15%/năm): $221.565.000đ \times (15\%/năm)/(365 \text{ ngày}) \times 213 \text{ ngày} = 19.394.525đ$ (mười chín triệu ba trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng) (3);

Lãi chậm trả trên nợ lãi trong hạn (10%/năm): $44.313.000đ \times (10\%/năm)/(365 \text{ ngày}) \times 213 \text{ ngày} = 2.585.937đ$ (hai triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn chín trăm ba mươi bảy đồng) (4).

Tổng cộng (1) + (2) + (3) + (4): 287.858.462đ (hai trăm tám mươi bảy triệu tám trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm sáu mươi hai đồng).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bà Đoàn Công Nữ H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh xem xét áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc ông Võ Quốc T phải thanh toán cho bà Phùng Thị Thanh H tổng số tiền nợ gốc và lãi của Hợp đồng vay tiền ngày

05/06/2019 tính đến ngày 04/01/2022 là 287.858.462đ (hai trăm tám mươi bảy triệu tám trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm sáu mươi hai đồng).

Đối với yêu cầu ông T phải trả tiền lãi chậm trả (trên nợ gốc với lãi suất là 15% và trên nợ lãi trong hạn với lãi suất là 10%) phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm đến khi trả hết toàn bộ số tiền nợ thì bà H xin rút yêu cầu này.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28 tháng 6 năm 2021; Biên bản hòa giải ngày 23 tháng 11 năm 2021 và tại phiên tòa; bị đơn ông Võ Quốc T trình bày:

Ngày 05/6/2019, ông và bà Phùng Thị Thanh H cùng ký với nhau hợp đồng vay tiền (có công chứng ngày 05/6/2019 tại VP công chứng Hoàng Long), thể hiện: ông có vay bà H số tiền 221.565.000đ (hai trăm hai mươi một triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng); lãi suất: hai bên tự thỏa thuận; thời hạn vay: 02 (hai) năm kể từ ngày hợp đồng được công chứng, mục đích vay: tiêu dùng cá nhân; đây là khoản nợ riêng của ông. Theo như thỏa thuận tại hợp đồng thì vào ngày 05/6/2021, ông phải thanh toán số tiền nợ này cho bà H và trước thời hạn ông đã liên lạc với bà H bàn pH thức trả nợ như sau: ông trả trước cho bà H 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng), số tiền còn lại sẽ trả 4.000.000đ/ tháng đến khi trả hết nợ, khi đó bà H đồng ý nhưng không chịu ra văn phòng công chứng làm lại Hợp đồng theo như thỏa thuận trên nên cả hai chưa thống nhất được việc trả nợ. Nay bà H yêu cầu ông phải trả cho bà H toàn bộ số tiền nợ 287.858.462đ (hai trăm tám mươi bảy triệu tám trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm sáu mươi hai đồng) gồm tiền gốc là 221.565.000đ (hai trăm hai mươi một triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) và các khoản lãi tính đến ngày 04/01/2022 là 66.293.462đ (sáu mươi sáu triệu hai trăm chín mươi ba nghìn bốn trăm sáu mươi hai đồng). Ông đồng ý trả hết toàn bộ số tiền này nhưng do hiện nay đang gặp khó khăn, chưa có việc làm và thu nhập ổn định nên ông đề nghị được trả theo pH thức: 3.000.000đ (ba triệu đồng)/ tháng cho đến khi hết số nợ trên. Trường hợp nếu có tiền thì ông sẽ trả hết nợ trong thời gian sớm nhất.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh phát biểu ý kiến như sau:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 85 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Võ Quốc T phải trả cho bà Phùng Thị Thanh H toàn bộ số tiền tính đến ngày 04/01/2022 là 287.858.462đ (hai trăm tám

mười bảy triệu tám trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm sáu mươi hai đồng), trong đó: nợ gốc là 221.565.000đ (hai trăm hai mươi một triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng), lãi trong hạn trên nợ gốc là 44.313.000đ (bốn mươi bốn triệu ba trăm mười ba nghìn đồng), lãi chậm trả trên nợ gốc là 19.394.525đ (mười chín triệu ba trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng), lãi chậm trả trên nợ lãi trong hạn là 2.585.937đ (hai triệu năm trăm tám mươi lăm đồng chín trăm ba mươi bảy đồng). Đối với việc người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin rút yêu cầu ông T phải trả tiền lãi chậm trả (trên nợ gốc với lãi suất là 15% và trên nợ lãi trong hạn với lãi suất là 10%) phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm đến khi trả hết toàn bộ số tiền nợ, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Phùng Thị Thanh H yêu cầu bị đơn ông Võ Quốc T phải trả số tiền anh T còn nợ; bị đơn ông Võ Quốc T có nơi cư trú thuộc thôn T, xã P, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Căn cứ theo khoản 3 Điều 26, điều a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Đoàn Công Nữ H đề nghị Tòa án xem xét áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc ông Võ Quốc T phải thanh toán cho bà Phùng Thị Thanh H tổng số tiền nợ gốc và lãi của Hợp đồng vay tiền ngày 05/06/2019 tính đến ngày 04/01/2022 là 287.858.462đ (hai trăm tám mươi bảy triệu tám trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm sáu mươi hai đồng).

[2.1] Tại biên bản lấy lời khai ngày 28 tháng 6 năm 2021, biên bản hòa giải ngày 23 tháng 11 năm 2021 và tại phiên tòa: Bị đơn ông Võ Quốc T cũng thống nhất với phần trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Đoàn Công Nữ H về thời gian vay, khoản tiền vay, lãi suất và nghĩa vụ trả nợ; ông T xác định hiện tại vẫn chưa trả khoản tiền nợ nào cho bà H và tính đến ngày xét xử là ngày 04/01/2022 thì ông còn nợ của bà Phùng Thị Thanh H tổng cộng số tiền 287.858.462đ (hai trăm tám mươi bảy triệu tám trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm sáu mươi hai đồng), trong đó: nợ gốc là 221.565.000đ (hai trăm hai mươi một triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng), nợ lãi trong hạn trên nợ gốc là 44.313.000đ (bốn mươi bốn triệu ba trăm mười ba nghìn đồng); nợ lãi chậm trả

trên nợ gốc là 19.394.525đ (mười chín triệu ba trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng); nợ lãi chậm trả trên nợ lãi trong hạn là 2.585.937đ (hai triệu năm trăm tám mươi lăm đồng chín trăm ba mươi bảy đồng); ông T đồng ý trả các khoản tiền theo yêu cầu của nguyên đơn.

Căn cứ vào Hợp đồng vay tiền ngày 05 tháng 6 năm 2019 có chữ ký các bên và được công chứng chứng thực tại Văn phòng công chứng Hoàng Long và các lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án. Có đủ căn cứ kết luận: hiện tại ông Võ Quốc T còn nợ bà Phùng Thị Thanh H số tiền nợ gốc là 221.565.000đ (hai trăm hai mươi một triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

[2.2] Về tiền lãi: Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 6 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi gồm các khoản lãi:

- Lãi trong hạn (10%/năm) trên nợ gốc: $221.565.000đ \times (10\%/năm) \times 02 \text{ năm} = 44.313.000đ$ (bốn mươi bốn triệu ba trăm mười ba nghìn đồng);

- Phần tiền lãi chậm trả phát sinh theo như yêu cầu trong đơn khởi kiện từ ngày 05/06/2021 tính đến ngày 04/01/2022 là:

+ Lãi chậm trả trên nợ gốc (15%/năm): $221.565.000đ \times (15\%/năm)/(365 \text{ ngày}) \times 213 \text{ ngày} = 19.394.525đ$ (mười chín triệu ba trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng);

+ Lãi chậm trả trên nợ lãi trong hạn (10%/năm): $44.313.000đ \times (10\%/năm)/(365 \text{ ngày}) \times 213 \text{ ngày} = 2.585.937đ$ (hai triệu năm trăm tám mươi lăm đồng chín trăm ba mươi bảy đồng);

Tổng cộng các khoản lãi là: 66.293.462đ (sáu mươi sáu triệu hai trăm chín mươi ba nghìn bốn trăm sáu mươi hai đồng)

Xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn đều xác định khi vay các bên có thỏa thuận lãi suất nhưng không thỏa thuận là bao nhiêu. Do đó, mặc dù tại hợp đồng vay tiền đề ngày 05/6/2019 không thể hiện nội dung các bên thỏa thuận lãi suất là bao nhiêu nhưng có căn cứ xác định việc vay tiền giữa các bên là có thỏa thuận về việc trả lãi, ngoài ra trong quá trình mượn nợ cho đến nay, bị đơn cũng chưa khoản tiền lãi nào cho nguyên đơn. Theo quy định khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 trong trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất nhưng không rõ mức lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được tính 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng). Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất trong hạn là 10%/năm từ ngày 05/06/2019 đến ngày 05/06/2021 là 44.313.000đ là phù hợp với quy định khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Ngoài ra do đã quá thời hạn trả

nợ mà bị đơn vẫn chưa trả nợ cho nguyên đơn nên theo quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự thì bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền lãi suất chậm trả trên nợ gốc quá hạn là 15%/năm và lãi chậm trả trên nợ lãi trong hạn là 10%/năm, do đó việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi chậm trả trên nợ gốc là 19.394.525đ và lãi chậm trả trên nợ lãi trong hạn là 2.585.937đ là có căn cứ và cần được chấp nhận.

[2.3] Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 6 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, ngoài yêu cầu ông Võ Quốc T phải trả tổng số tiền nợ gốc và lãi của Hợp đồng vay tiền ngày 05/06/2019 tính đến ngày 04/01/2022 là 287.858.462đ (hai trăm tám mươi bảy triệu tám trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm sáu mươi hai đồng), nguyên đơn còn yêu cầu ông T phải trả tiền lãi chậm trả (trên nợ gốc với lãi suất là 15% và trên nợ lãi trong hạn với lãi suất là 10%) phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết toàn bộ số tiền nợ; tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Đoàn Công Nữ H tự nguyện xin rút đối với yêu cầu này; việc rút yêu cầu của bà H là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn.

[2.4] Ông T đồng ý trả toàn bộ số tiền nợ mà nguyên đơn yêu cầu bao gồm tiền gốc, các khoản tiền lãi tính đến ngày 04/01/2022 là 287.858.462đ (hai trăm tám mươi bảy triệu tám trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm sáu mươi hai đồng) nhưng do khó khăn nên đề nghị được trả thành từng đợt, mỗi tháng trả 3.000.000đ (ba triệu đồng) đến khi trả hết số nợ. Tuy nhiên, việc ông T đề nghị không được người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận.

[2.5] Việc ông T không thanh toán tiền cho bà H vi phạm quy định về hợp đồng dân sự về vay tài sản; nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; đồng thời gây khó khăn cho bà H trong việc thu hồi vốn cho vay, ảnh hưởng quyền lợi của bà H nên việc bà H khởi kiện yêu cầu ông T trả tiền cho bà là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đều xác định khoản tiền nợ này là nợ của cá nhân ông Võ Quốc T.

Từ những nhận định và phân tích ở trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Võ Quốc T phải trả một lần cho nguyên đơn bà Phùng Thị Thanh H tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 04/01/2022 là 287.858.462đ (hai trăm tám mươi bảy triệu tám trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm sáu mươi hai đồng).

[3] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn bà Phùng Thị Thanh H được chấp nhận nên bà H không chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Võ Quốc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, Điều 147; khoản 2 Điều 244; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, án phí, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phùng Thị Thanh H.

Buộc ông Võ Quốc T phải cho bà Phùng Thị Thanh H số tiền 287.858.462đ (hai trăm tám mươi bảy triệu tám trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm sáu mươi hai đồng).

Quy định: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 05/01/2022 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ yêu cầu của bà Phùng Thị Thanh H về việc yêu cầu ông T phải tiếp tục trả tiền lãi chậm trả (trên nợ gốc với lãi suất là 15% và trên nợ lãi trong hạn với lãi suất là 10%) phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi ông Võ Quốc T trả hết toàn bộ số tiền nợ.

3. Về án phí: Ông Võ Quốc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 14.392.923đ (mười bốn triệu ba trăm chín mươi hai triệu chín trăm hai mươi ba đồng).

Hoàn trả lại cho bà Phùng Thị Thanh H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 6.646.000đ (sáu triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003105 ngày 16 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

3. Quyền kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Vạn Ninh;
- Chi cục THADS huyện Vạn Ninh
(Sau khi án có hiệu lực pháp luật);
- Các đương sự;
- Lưu AV;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Vi Nhật Hoàng